

Số /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình khuyến nông tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Chương trình khuyến nông Trung ương giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 209/TTr-SNNMT ngày 18/9/2025; Báo cáo số 158/BC-HĐTD ngày 17/9/2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình khuyến nông tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khuyến nông tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030 (Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hàng năm và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, công TTĐT tỉnh;
 - + Lưu: VT, NN Thăng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Lợi

Phụ lục I:
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Lĩnh vực: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên chương trình	Mục tiêu khái quát	Tên các dự án, mô hình, nhiệm vụ khuyến nông để thực hiện chương trình	Kết quả dự kiến
1	Phát triển cây lương thực	Đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển bền vững 1 số cây lương thực chính nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Phát triển mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi, phát huy vai trò của khuyến nông cơ sở, hợp tác xã trong tổ chức sản xuất tại các địa phương.	- Phát triển sản xuất cây lương thực mới cho năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. - Phát triển sản xuất cây lương thực theo hướng sản xuất hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đa giá trị... - Phát triển sản xuất cây lương thực áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, áp dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại trong sản xuất. - Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), SRI... và ứng dụng các biện pháp sinh học trong phòng chống sinh vật gây hại cây trồng. - Quản lý sức khỏe đất đối với 1 số cây lương thực chính. - Xử lý phụ phẩm, liên kết, sơ chế, bảo quản... một số cây lương thực chính.	- Xây dựng 300-500 ha mô hình các cây lương thực chính theo hướng phát triển bền vững, sản xuất theo chuỗi; áp dụng công nghệ cao, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất. - Xây dựng 100-200 ha mô hình các cây lương thực chính áp dụng các giải pháp về quản lý sức khỏe đất và cây trồng, giảm 20 - 30% lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học sử dụng trong sản xuất. - Tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất (giống, lao động). Góp phần đẩy nhanh đưa cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất. - Tăng chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế tăng > 15% so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). - Nhân rộng > 15% diện tích so với diện tích dự án được phê duyệt.

2	Phát triển sản xuất bền vững cây ăn quả	Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới nhằm thúc đẩy sản xuất một số cây ăn quả chủ lực theo hướng bền vững, an toàn dịch bệnh gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Phát triển sản xuất cây ăn quả kết hợp với du lịch sinh thái; nâng cao nhận thức của người dân trong việc tổ chức sản xuất an toàn, bền vững, xây dựng thương hiệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng.	- Phát triển sản xuất cây ăn quả đặc sản theo tiêu chuẩn VietGAP phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (vải, nhãn, xoài, mít,...) - Phát triển sản xuất cây ăn quả có múi bền vững (cam, bưởi, quýt...). - Cải tạo cây ăn quả tiềm năng; Cây ăn quả kết hợp du lịch sinh thái. - Tưới tiết kiệm nước, áp dụng cơ giới hoá, áp dụng công nghệ cao, quản lý sức khỏe đất và cây trồng... cho một số cây ăn quả chủ lực. - Xử lý phụ phẩm, liên kết, sơ chế, bảo quản... một số cây ăn quả chủ lực.	- Xây dựng 300-500 ha mô hình sản xuất cây ăn quả chủ lực và các giống cây ăn quả khác theo hướng chuyên canh, sản phẩm đạt tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu. - Tổ chức sản xuất theo hướng bền vững, gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Hiệu quả kinh tế các mô hình khi cho thu hoạch tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình. - Nhân rộng $> 15\%$ diện tích so với diện tích mô hình được phê duyệt.
3	Phát triển sản xuất rau màu, hoa và một số cây trồng khác	Đẩy mạnh sản xuất rau màu, hoa và một số cây trồng khác theo hướng an toàn, chất lượng và hiệu quả gắn với tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Hình thành vùng sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP, vùng sản xuất hoa với quy mô lớn.	- Sản xuất rau an toàn gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm. - Sản xuất nấm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Sản xuất rau ăn quả trong nhà lưới/nhà màng. - Sản xuất một số loại hoa giống mới (lily, lay ơn, đồng tiền,...); Sản xuất hoa gắn với du lịch sinh thái cộng đồng.	- Xây dựng 300-500 ha mô hình rau màu, hoa và 300-500 tấn nguyên liệu nấm ăn, nấm dược liệu theo hướng an toàn gắn với tiêu thụ sản phẩm.
4	Phát triển sản xuất một số cây trồng bền vững, phát thải thấp, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với tăng trưởng xanh	Đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật (giống, kỹ thuật canh tác, công nghệ sau thu hoạch) nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng lúa gạo và một số cây trồng chủ lực phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính, thực hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về chống biến đổi khí hậu.	- Sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh tại các vùng trồng chính. - Canh tác một số cây ăn quả bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng trồng chính. - Sản xuất một số cây trồng gắn với nông nghiệp sinh thái, du lịch nông thôn.	- Xây dựng 300-500 ha mô hình canh tác lúa và một số cây trồng theo hướng bền vững và phát thải thấp. - Tăng hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng $> 15\%$ diện tích so với diện tích dự án được phê duyệt.

5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng nâng cao giá trị sản xuất	Chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa hoặc cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; sử dụng cơ cấu cây trồng hợp lý, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả đầu tư.	- Chuyển đổi đất lúa hoặc cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn (cây ăn quả, ngô, lạc, sen, rau, trồng cỏ và thức ăn thô xanh ...).	- Xây dựng 100-200 ha mô hình chuyển đổi từ đất lúa hoặc các cây trồng kém hiệu quả sang các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn (như: ngô, lạc, sen, rau, cây ăn quả, trồng cỏ và thức ăn thô xanh...). - Nâng cao chất lượng sản phẩm các cây trồng, tăng hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với cây trồng trước khi chuyển đổi. - Mô hình canh tác mới có nhiều ưu việt so với chế độ canh tác cũ; đất và môi trường canh tác, sản xuất được cải tạo
---	---	--	--	--

Phụ lục II:
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Lĩnh vực: Chăn nuôi và thú y

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên chương trình	Mục tiêu khái quát	Tên các dự án, mô hình, nhiệm vụ khuyến nông để thực hiện chương trình	Kết quả dự kiến
1	Phát triển chăn nuôi tuần hoàn tích hợp đa giá trị	Phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi trâu, bò tuần hoàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn tuần hoàn, xử lý chất thải bằng chế phẩm sinh học gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình ứng dụng các chế phẩm sinh học và công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất phân bón hữu cơ.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi trâu, bò tuần hoàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 500-1.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn tuần hoàn, xử lý chất thải bằng chế phẩm sinh học gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 1.000-1.500 con. - Xây dựng mô hình ứng dụng các chế phẩm sinh học và công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất phân bón hữu cơ, quy mô 500-700 con. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
2	Phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, đạt chứng nhận	Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi an toàn dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc, an toàn dịch bệnh, gắn với giết mổ, xây dựng nhãn hiệu sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, sữa, tăng giá trị, cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao, truy xuất nguồn gốc chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình chăn nuôi thủy cầm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình cải tạo đàn trâu bò địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. - Xây dựng mô hình vỗ béo trâu, bò thịt, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 2.000-3.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 50.000-80.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi thủy cầm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 100.000-150.000 con. - Xây dựng mô hình vỗ béo trâu, bò thịt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 1.000-2.000 con. - Xây dựng được mô hình chăn nuôi gia súc ứng dụng công nghệ mới giảm phát thải khí nhà kính, quy mô 200-500 con.

			- Xây dựng mô hình chăn nuôi gia súc ứng dụng công nghệ mới nhằm giảm phát thải khí nhà kính. - Xây dựng mô hình chăn nuôi dê năng suất chất lượng cao, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn sinh sản an toàn sinh học, năng suất chất lượng cao. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm sinh sản gia cầm thịt năng suất chất lượng cao, an toàn sinh học, liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm sử dụng thảo dược thay thế kháng sinh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn sử dụng thảo dược thay thế kháng sinh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi dê năng suất chất lượng cao, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 500-1.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn sinh sản an toàn sinh học, năng suất chất lượng cao, quy mô 200- 500 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thịt an toàn sinh học liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 50.000-60.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm sử dụng thảo dược thay thế kháng sinh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, quy mô 20.000- 30.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi thủy cầm sử dụng thảo dược thay thế kháng sinh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, quy mô 20.000- 30.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn sử dụng thảo dược thay thế kháng sinh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, quy mô 500-1.000 con. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
3	Phát triển chăn nuôi các giống vật nuôi bản địa, tạo vùng nguyên liệu	Phát triển các giống vật nuôi bản địa, tạo vùng nguyên liệu, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.	- Xây dựng mô hình nuôi ong mật chất lượng cao chứng nhận VietGHAP.	- Xây dựng mô hình nuôi ong mật chất lượng chứng nhận VietGHAP, quy mô 800- 1.000 đàn. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.

4	Phát triển chăn nuôi truy xuất nguồn gốc, liên kết tiêu thụ sản phẩm	Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung gắn với chuỗi liên kết nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, trứng và giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, hướng đến xuất khẩu.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm, thủy cầm thương phẩm truy xuất nguồn gốc, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm sinh sản năng suất chất lượng cao, liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm, truy xuất nguồn gốc, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 3.000-5.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi thủy cầm thương phẩm, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 30.000-35.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 500-1.000 con. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
5	Phát triển mô hình chăn nuôi gắn với các chương trình mục tiêu Quốc gia, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Phát triển các mô hình chăn nuôi để tạo sinh kế cho người dân ở vùng cao, vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi tạo sinh kế cho người dân ở vùng cao, vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số. - Phát triển chăn nuôi gắn với hoạt động tổ Khuyến nông cộng đồng, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Xây dựng mô hình chăn nuôi bò, dê thích ứng với biến đổi khí hậu. - Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh cho gia súc ăn cỏ ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	- Xây dựng mô hình chăn nuôi tạo sinh kế cho người dân ở vùng cao, vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, quy mô 10.000-15.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gắn với hoạt động tổ Khuyến nông cộng đồng, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, quy mô 5.000 -10.000con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thích ứng với biến đổi khí hậu, quy mô 10.000 - 20.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thích ứng với biến đổi khí hậu, quy mô: 1.000 - 2.000 con. - Xây dựng mô hình chăn nuôi dê thích ứng với biến đổi khí hậu, quy mô: 1.000 - 2.000 con. - Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh cho gia súc ăn cỏ ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, quy mô 10.000 tấn thức ăn thô xanh. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng mô hình $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.

Phụ lục III:
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Lĩnh vực: Thủy sản

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

T T	Tên chương trình	Mục tiêu khái quát	Tên các dự án, mô hình, nhiệm vụ khuyến nông để thực hiện chương trình	Kết quả dự kiến
1	Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt bền vững	Khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước sông, suối, hồ chứa, thủy lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản tạo ra nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, có giá trị kinh tế cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.	- Phát triển sản xuất giống, ương, nuôi thương phẩm cá da trơn phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. - Phát triển sản xuất giống, ương, nuôi thương phẩm cá truyền thống, cá rô phi cải thiện sinh kế và phục vụ xuất khẩu. - Phát triển nuôi thâm canh, bán thâm canh tôm càng xanh, luân canh, xen canh tôm càng xanh - lúa, cá - lúa... - Phát triển nuôi thủy đặc sản trong ao, hồ, bể, ruộng, trong lồng trên sông và hồ chứa. - Phát triển nuôi thủy sản nước ngọt theo công nghệ biofloc, Nano, công nghệ số, công nghệ vi sinh, chế phẩm sinh học... - Phát triển nuôi thủy sản nước ngọt gắn với chứng nhận, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, du lịch trải nghiệm, tổ hợp tác/ hợp tác xã/ tổ Khuyến nông cộng đồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm...	- Xây dựng các mô hình phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt bền vững; quy mô 150 - 200 ha; 3.000-5.000 m³ bể nuôi, lồng nuôi. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. - Nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.

Phụ lục IV:
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2026 -2030

Lĩnh vực: Lâm nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên chương trình	Mục tiêu khái quát	Tên các dự án, mô hình, nhiệm vụ khuyến nông để thực hiện chương trình	Kết quả dự kiến
1	Phát triển trồng thâm canh rừng kinh tế	Chuyển giao một số giống mới và tiến bộ kỹ thuật về lâm sinh để phát triển trồng thâm canh rừng kinh tế; nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất.	- Trồng thâm canh rừng cung cấp gỗ, nguyên liệu (bạch đàn mô, keo lai mô...) - Chuyển giao giống mới, kỹ thuật trồng, chăm sóc các giống keo, bạch đàn, mới nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trồng rừng.	- Mô hình trồng thâm canh rừng kinh tế (bạch đàn mô, keo lai mô...): + Quy mô 400- 600 ha, năng suất rừng đạt 25-30 m³/ha/năm. + Hiệu quả kinh tế $\geq 20\%$ so với trồng thâm canh rừng bằng giống cũ. + Nhân rộng $\geq 30\%$ so với diện tích mô hình được phê duyệt.
2	Phát triển cây lâm sản ngoài gỗ	Chuyển giao một số giống và tiến bộ kỹ thuật về cây trồng, cây lâm sản ngoài gỗ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và có giá trị kinh tế cao.	- Xây dựng mô hình trồng một số loài cây lâm sản ngoài gỗ - Xây dựng mô hình trồng một số loài cây lâm nghiệp đa mục đích: Dẻ, Trám... - Xây dựng mô hình trồng cây Khôi tía, Cát Sâm, Sa nhân tím...	- Mô hình trồng một số loại cây trồng lâm sản ngoài gỗ: + Quy mô 100-150 ha. + Hiệu quả kinh tế $\geq 20\%$ so với ngoài mô hình. + Nhân rộng $\geq 20\%$ so với diện tích mô hình được phê duyệt.
3	Phát triển quản lý rừng theo hướng bền vững.	Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái và các giá trị dịch vụ môi trường rừng.	- Xây dựng mô hình trồng thâm canh rừng hướng tới quản lý rừng bền vững (bạch đàn, keo...).	- Xây dựng mô hình trồng thâm canh rừng hướng tới quản lý rừng bền vững. + Quy mô 400 - 600 ha, năng suất rừng đạt 25-30 m³/ha/năm. + Nhân rộng $\geq 30\%$ so với mô hình được phê duyệt. + Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 20\%$ so với mô hình đối chứng.

Phụ lục V:
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Lĩnh vực: Khuyến nông thường xuyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Tên chương trình	Mục tiêu khái quát	Tên các nhiệm vụ khuyến nông để thực hiện chương trình	Địa bàn triển khai	Kết quả dự kiến
I	Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo				
1	Đào tạo, tập huấn năng lực cho đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp	Nâng cao năng lực cho các đối tượng chuyển giao nghệ (cán bộ khuyến nông, thành viên HTX, THT, nông dân...), nhằm xây dựng hệ thống chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp đồng bộ, hiệu quả, giúp nông dân tiếp cận và áp dụng thành công các tiến bộ khoa học kỹ thuật, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển nông nghiệp bền vững.	Tập huấn về cập nhật các tiến bộ kỹ thuật mới (giống cây trồng, vật nuôi, quy trình canh tác, công nghệ sau thu hoạch, quản lý dịch hại, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, đáp ứng theo tiêu chuẩn của thị trường...) phù hợp với định hướng của Bộ, ngành, điều kiện cụ thể của từng địa phương và từng đối tượng nông dân. - Tập huấn về phát triển kỹ năng: + Kỹ năng xây dựng chương trình, tài liệu và bài giảng tập huấn khuyến nông... + Kỹ năng tổ chức tập huấn, thông tin, truyền thông khuyến nông... + Kỹ năng làm việc nhóm, tư vấn, dịch vụ khuyến nông... + Kỹ năng marketing tiếp thị sản phẩm. + Kỹ năng hướng dẫn thực hành trên đồng ruộng. + Kỹ năng giao tiếp: Thuyết trình, lắng nghe, đặt câu hỏi, tạo không khí tương tác. - Tập huấn về phương pháp giảng dạy: Giảng bài, thảo luận nhóm, thực hành, sử dụng các công cụ trực quan, mô hình, video... Thiết kế bài giảng, khoa học, phù hợp với trình độ và nhu cầu của nông dân. - Khảo sát học tập: Khảo sát học tập các mô hình sản xuất công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn... để áp dụng vào thực tế sản xuất và phù hợp với từng địa phương.	Tỉnh Bắc Ninh	- Tổ chức 80 - 90 lớp tập huấn TOT và tập huấn chuyên ngành cho khoảng 2.400 lượt cán bộ khuyến nông, nông nghiệp, trưởng thôn, thành viên HTX, tổ trưởng tổ hợp tác, nông dân tiêu biểu (mỗi lớp đều có chương trình khảo sát, học tập thực tế) để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành nông nghiệp. - Tổ chức khoảng 1.500 - 2.000 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp cho nông dân.

2	Tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm	Trao đổi, học tập các kinh nghiệm hay từ các mô hình thực tế sản xuất, thị trường tiêu thụ... nhằm áp dụng, nhân rộng các kiến thức, kinh nghiệm hay vào sản xuất phù hợp trên địa bàn địa phương.	Tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, liên kết tiêu thụ sản phẩm... tại các tỉnh bạn.	Các tỉnh	- Tổ chức 10-15 Đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm tại các tỉnh cho khoảng 200-300 đại biểu là cán bộ nông nghiệp, cán bộ khuyến nông nông dân tiêu biểu tham dự.
II	Thông tin, tuyên truyền				
1	Thông tin tuyên truyền về nông nghiệp và khuyến nông theo hình thức truyền thống	Góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, kỹ năng sản xuất nông nghiệp cho người nông dân, chủ trang trại, cán bộ khuyến nông, nông nghiệp; góp phần phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới thương hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh	Tổ chức tuyên truyền trên Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	- Xây dựng và phát sóng được khoảng 50 chuyên mục, phóng sự/năm về hoạt động khuyến nông, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. - Đưa được khoảng 50 - 60 tin bài tuyên truyền trên báo.
			Tổ chức các sự kiện Khuyến nông	Tỉnh Bắc Ninh	- Mỗi năm tổ chức từ 3-5 Hội thảo Khuyến nông; 3-5 Tọa đàm nông nghiệp cho khoảng 600 - 800 lượt đại biểu tham dự. - Mỗi năm tổ chức 02 - 03 Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp cho khoảng 300- 400 đại biểu tham dự. - Tổ chức 20 Hội nghị tổng kết các mô hình trình diễn/ năm cho khoảng 2.000 đại biểu tham dự chia sẻ, học tập nhân rộng mô hình.

			Xuất bản các ấn phẩm Khuyến nông	Tỉnh Bắc Ninh	- Mỗi năm xuất bản khoảng 5.500 cuốn Kỹ thuật treo tường - In, phát hành khoảng 2.000 tờ rơi, tờ gấp kỹ thuật; 3.000-5.000 cuốn tài liệu kỹ thuật.
			Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại	Các tỉnh	Mỗi năm tổ chức tham gia 3-4 Hội chợ, triển lãm, Festival nông nghiệp trong và ngoài tỉnh để giới thiệu, quảng bá các nông sản chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh.
	Thông tin, tuyên truyền về nông nghiệp và khuyến nông theo hình thức điện tử	Tăng hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, đảm bảo được tính cập nhật, liên tục, nhanh chóng, mở rộng đối tượng, phạm vi tiếp nhận thông tin. Giúp người dân dễ dàng cập nhật thông tin mới nhất, nhanh nhất và tốt nhất.	Tuyên truyền các chủ trương, chính sách, phổ biến khoa học kỹ thuật, giới thiệu mô hình, điển hình tiên tiến... trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh và Trung tâm Khuyến nông và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Bắc Ninh		Xây dựng, đăng tải các tin, bài, videos clip về các hoạt động khuyến nông trên Trang thông tin điện tử; số lượng 200 tin, bài, videos clip/ năm.
			Tuyên truyền các sự kiện, tin hoạt động khuyến nông trên Trang website của Sở Nông nghiệp và Môi trường Bắc Ninh, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các báo chí khác	Các đơn vị	- Mỗi năm viết và gửi đăng được từ 20 - 30 tin bài trên các trang website.
			Tuyên truyền để người dân biết, ứng dụng các phần mềm: Hệ thống cơ sở dữ liệu về khuyến nông; ứng dụng di động dành cho khuyến nông viên; số hóa các tài liệu khuyến nông...	Tỉnh Bắc Ninh	Lồng ghép, hướng dẫn trong các lớp tập huấn, hội nghị...
III	Hợp tác Quốc tế về Khuyến nông				
1	Hợp tác quốc tế trong các hoạt động khuyến nông	Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ khuyến nông thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, khảo sát học tập tại các nước có nền nông nghiệp tiên tiến. Tăng cường nguồn lực từ các tổ chức, chính phủ nước ngoài nhằm phát triển hệ thống khuyến nông.	Nâng cao năng lực, trình độ cho người làm công tác khuyến nông thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và chương trình khảo sát học tập nước ngoài.		Tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khuyến nông do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì (nếu có)